

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

ĐỢT 2 NĂM 2025



KẾT QUẢ PHÚC TRA
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 2 NĂM 2025
KHU VỰC PHÍA NAM

(Ban hành kèm theo Thông báo số 67/TB-HĐKT ngày 06 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 2 năm 2025)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
1	Nguyễn Thúy	An	26/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	0009	39.25	66.25	60	37.25		KHÔNG ĐẠT
2	Nguyễn Văn	An	27/09/1998	TP. Hồ Chí Minh	0010	46.25	60	52.5	43.875		KHÔNG ĐẠT
3	Ngô Thiện	Ân	20/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	0013	37	64.25	52.5	45.5		KHÔNG ĐẠT
4	Đào Thục	Anh	03/10/1998	TP. Hồ Chí Minh	0019	34	53	52.5	36.875		KHÔNG ĐẠT
5	Lê Tuấn	Anh	26/10/1987	TP. Hồ Chí Minh	0028	41.75	68.5	52.5	50		ĐẠT
6	Mạc Hải	Anh	23/03/1998	TP. Hồ Chí Minh	0029	45.5	63.75	50	40		KHÔNG ĐẠT
7	Nguyễn Ngọc	Anh	04/08/1984	TP. Hồ Chí Minh	0035	48.5	63.75	60	46		KHÔNG ĐẠT
8	Nguyễn Ngọc Quế	Anh	27/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	0037	37.5	81.25	55	42.25		KHÔNG ĐẠT
9	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/07/1997	Đà Nẵng	0038	40.5	58.25	52.5	37.75		KHÔNG ĐẠT
10	Nguyễn Tuấn	Anh	08/05/1997	TP. Hồ Chí Minh	0040	36.75	58.25	65	41.25		KHÔNG ĐẠT
11	Nguyễn Văn	Anh	10/06/1979	Phú Yên	0041	33	45.25	62.5	25.375	40.75	KHÔNG ĐẠT
12	Phạm Hoàng Vân	Anh	05/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	0043	53.75	43.5	62.5		50	ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
13	Trần Duy	Anh	11/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	0047	46.5	59.5	62.5	41.25		KHÔNG ĐẠT
14	Trần Lê Vân	Anh	26/10/1995	TP. Hồ Chí Minh	0048	45	72.75	60	34.75		KHÔNG ĐẠT
15	Trần Thị Vân	Anh	17/04/1995	TP. Hồ Chí Minh	0049	45	69.25	60	51		ĐẠT
16	Trịnh Quang Trí	Anh	01/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	0050	30.75	60.75	57.5	23		KHÔNG ĐẠT
17	Trịnh Thị Lan	Anh	05/05/1996	TP. Hồ Chí Minh	0051	44.25	85.75	62.5	36		KHÔNG ĐẠT
18	Nguyễn Thị	Ánh	13/06/2000	Đà Nẵng	0059	41.75	59	63	41.5		KHÔNG ĐẠT
19	Đỗ Thanh	Bình	23/05/1997	TP. Hồ Chí Minh	0070	32.25	52.75	50.5	40		KHÔNG ĐẠT
20	Huỳnh Chí	Bình	10/07/1963	TP. Hồ Chí Minh	0071	31.5	70.5	55.5	38.5		KHÔNG ĐẠT
21	Lê Thị	Bình	02/01/1985	TP. Hồ Chí Minh	0072	35.5	77	51	36.75		KHÔNG ĐẠT
22	Phạm Quốc	Bình	18/03/1991	TP. Hồ Chí Minh	0074	31.25	63	55.5	31.25		KHÔNG ĐẠT
23	Vũ Văn	Bình	09/07/1985	Đồng Nai	0078	43.75	54.75	58	44.5		KHÔNG ĐẠT
24	Nguyễn Văn	Cầm	26/04/1969	TP. Hồ Chí Minh	0080	36.25	62	55	35.75		KHÔNG ĐẠT
25	Vũ Thị	Cầm	04/01/1984	TP. Hồ Chí Minh	0082	28	69.25	62	36		KHÔNG ĐẠT
26	Lê Tấn	Cảnh	05/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	0084	33.5	62.5	50	30.75		KHÔNG ĐẠT
27	Phan Trọng	Cầu	22/01/1956	TP. Hồ Chí Minh	0087	38	53	57	42.5		KHÔNG ĐẠT
28	Cộng Bảo	Châu	08/05/1999	Đồng Nai	0089	44	69.5	50	44		KHÔNG ĐẠT
29	Võ Vạn	Châu	07/05/1999	TP. Hồ Chí Minh	0092	42	81	70	50		ĐẠT
30	Huỳnh Thị Kim	Chi	05/01/1991	TP. Hồ Chí Minh	0094	41.5	51.75	62.5	37.25		KHÔNG ĐẠT
31	Nguyễn Trúc	Chi	19/01/1968	Bà Rịa-Vũng Tàu	0098	38	62.25	67.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
32	Nguyễn Xuân	Chiến	19/05/1988	TP. Hồ Chí Minh	0101	43.5	60.25	52.5	40		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
33	Ngô	Chín	11/12/1962	TP. Hồ Chí Minh	0102	30.75	45.75	57.5	35	48	KHÔNG ĐẠT
34	Đoàn Công	Chính	29/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	0106	39.5	54	57.5	32		KHÔNG ĐẠT
35	Đỗ Nguyên	Chương	02/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	0109	40	82.25	62.5	50		ĐẠT
36	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	26/01/1981	TP. Hồ Chí Minh	0117	37.75	64.25	62.5	41		KHÔNG ĐẠT
37	Nguyễn Việt	Cương	23/09/1983	Bà Rịa-Vũng Tàu	0118	40.5	52.25	57.5	40.5		KHÔNG ĐẠT
38	Đỗ Trần Duy	Cường	03/07/1991	TP. Hồ Chí Minh	0120	39	75.25	77.5	46.5		KHÔNG ĐẠT
39	Nguyễn Chí	Cường	18/12/1977	TP. Hồ Chí Minh	0124	15.5	26.5	52.5	24	26.5	KHÔNG ĐẠT
40	Lê Tuyết Phương	Đài	13/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	0131	38.75	53.75	70	46		KHÔNG ĐẠT
41	Trịnh Thị	Đào	14/08/1986	TP. Hồ Chí Minh	0141	33.5	61.25	55	37.5		KHÔNG ĐẠT
42	Nguyễn Tiến	Đạt	13/08/1993	TP. Hồ Chí Minh	0148	47	51.5	60	38		KHÔNG ĐẠT
43	Phan Tuấn	Đạt	01/09/1999	TP. Hồ Chí Minh	0149	34.75	55	70	32.25		KHÔNG ĐẠT
44	Trần Văn	Đạt	04/08/1981	Bà Rịa-Vũng Tàu	0150	37.75	51.25	60	28.5		KHÔNG ĐẠT
45	Dương Nhật	Điền	10/10/1987	Đồng Tháp	0158	36.25	41.25	50	31.625	35.75	KHÔNG ĐẠT
46	Nguyễn Hoàng Anh	Đức	17/07/1985	Long An	0176	39.75	59.75	57.5	39.12		KHÔNG ĐẠT
47	Nguyễn Thị	Dung	22/08/1995	TP. Hồ Chí Minh	0185	45.5	55.75	57.5	44.625		KHÔNG ĐẠT
48	Nguyễn Thị Phương	Dung	02/09/1991	TP. Hồ Chí Minh	0186	41.25	51.25	57.5	46		KHÔNG ĐẠT
49	Nguyễn Thị Phương	Dung	28/09/1998	Đắk Lắk	0187	42	50.25	57.5	32.5		KHÔNG ĐẠT
50	Trần Nguyễn Phương	Dung	15/09/1987	TP. Hồ Chí Minh	0190	37	71	52.5	40.5		KHÔNG ĐẠT
51	Lê Anh	Dũng	07/12/1972	TP. Hồ Chí Minh	0194	35.5	53.5	67.5	43.5		KHÔNG ĐẠT
52	Dương Ngọc Thuý	Dương	01/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	0207	43.25	81.25	60	40.25		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
53	Lê Thùy	Dương	04/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	0212	62.25	48.25	57.5		41.25	KHÔNG ĐẠT
54	Ngô Thị Thùy	Dương	09/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	0214	45.25	63.75	70	44.75		KHÔNG ĐẠT
55	Nguyễn Thùy	Dương	22/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	0218	45.25	61	62.5	50		ĐẠT
56	Trần Minh	Dương	28/04/1980	TP. Hồ Chí Minh	0220	22	48.25	57.5	23.75	45.5	KHÔNG ĐẠT
57	Nguyễn Khắc	Duy	04/06/1982	TP. Hồ Chí Minh	0225	32.5	63	57.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
58	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	11/03/1993	TP. Hồ Chí Minh	0237	44	73.5	50	40.375		KHÔNG ĐẠT
59	Trần Thị Kim	Duyên	15/02/1999	TP. Hồ Chí Minh	0243	77.25	43.5	55		47	KHÔNG ĐẠT
60	Vũ Thị Kiều	Duyên	27/04/1995	TP. Hồ Chí Minh	0245	37.5	39.75	50	32.75	37.75	KHÔNG ĐẠT
61	Nguyễn Văn	E	08/03/1968	Cần Thơ	0246	39	50	50	35.25		KHÔNG ĐẠT
62	Huỳnh Minh	Giới	10/06/1980	TP. Hồ Chí Minh	0257	37	79.5	50	30		KHÔNG ĐẠT
63	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/05/1982	Khánh Hòa	0265	48.5	46	52.5	40	48.25	KHÔNG ĐẠT
64	Phạm Quốc	Hà	13/04/1986	Đắk Nông	0269	35.25	38.5	55	45	43.5	KHÔNG ĐẠT
65	Phạm Thị Thu	Hà	19/09/1983	TP. Hồ Chí Minh	0270	53.5	40.25	55		42	KHÔNG ĐẠT
66	Hồ Sỹ	Hải	21/08/1983	Đắk Lắk	0281	38.25	71.25	62.5	37		KHÔNG ĐẠT
67	Lê Thanh	Hải	26/09/1972	TP. Hồ Chí Minh	0282	41.5	62.25	62.5	46.75		KHÔNG ĐẠT
68	Mai Tuấn	Hải	01/06/1996	TP. Hồ Chí Minh	0283	23.5	68.75	65	31.75		KHÔNG ĐẠT
69	Phan Phụng Đức	Hải	02/01/1989	TP. Hồ Chí Minh	0286	42.75	73.5	62.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
70	Phạm Phú	Hải	15/03/1979	Quảng Trị	0290	28	66	62.5	36.5		KHÔNG ĐẠT
71	Lưu Gia	Hân	10/02/1999	TP. Hồ Chí Minh	0292	34.25	75.75	50	41.25		KHÔNG ĐẠT
72	Phan Châu Thu	Hân	10/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	0297	29.75	84	80	31.25		KHÔNG ĐẠT

ĐB Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
73	Nguyễn Lê	Hằng	05/03/1987	TP. Hồ Chí Minh	0309	32.75	62.75	60	33.75		KHÔNG ĐẠT
74	Trần Thu	Hằng	12/08/1997	TP. Hồ Chí Minh	0319	41.75	59.5	80	46.25		KHÔNG ĐẠT
75	Trần Việt	Hằng	12/12/1999	Đà Nẵng	0320	44.5	58	68	35.75		KHÔNG ĐẠT
76	Nguyễn Bảo	Hạnh	18/08/1985	Lâm Đồng	0323	45.25	47	65	45.25	47.5	KHÔNG ĐẠT
77	Phạm Nguyễn Ngân	Hạnh	27/09/1996	TP. Hồ Chí Minh	0324	34.5	66.75	65	34.5		KHÔNG ĐẠT
78	Đặng Thị	Hiền	16/07/1986	TP. Hồ Chí Minh	0340	41.25	39	68	33	40.5	KHÔNG ĐẠT
79	Đặng Minh	Hiệp	25/03/1982	Bình Thuận	0355	38.25	51.5	50	36.5		KHÔNG ĐẠT
80	Trần Minh	Hiếu	19/08/1995	Kiên Giang	0365	40.75	59	52.5	34.75		KHÔNG ĐẠT
81	Trần Trọng	Hiếu	23/03/1974	Long An	0366	37.5	54.75	65	34.5		KHÔNG ĐẠT
82	Nguyễn Huy	Hoàng	04/06/1997	TP. Hồ Chí Minh	0387	53.75	41.25	50		41.25	KHÔNG ĐẠT
83	Nguyễn Huy	Hoàng	02/04/1996	Đồng Nai	0389	42.75	57.25	60	33.75		KHÔNG ĐẠT
84	Nguyễn Thị Bích	Hồng	29/09/1998	TP. Hồ Chí Minh	0396	39.25	59.5	55	41.75		KHÔNG ĐẠT
85	Lê Văn	Hùng	10/09/1979	TP. Hồ Chí Minh	0405	37	52	50	37.875		KHÔNG ĐẠT
86	Lương Mạnh	Hùng	24/09/1985	TP. Hồ Chí Minh	0406	38.75	57	57.5	34.5		KHÔNG ĐẠT
87	Lương Văn	Hùng	07/11/1976	Đồng Nai	0407	50	42.75	55		39	KHÔNG ĐẠT
88	Nguyễn Thế Anh	Hùng	08/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	0409	44.75	70.5	77.5	45		KHÔNG ĐẠT
89	Phạm Quang	Hùng	26/05/1978	TP. Hồ Chí Minh	0411	41	52.5	60	32.125		KHÔNG ĐẠT
90	Phạm Quốc	Hùng	17/02/1976	TP. Hồ Chí Minh	0412	30	54.25	67.5	39		KHÔNG ĐẠT
91	Trần Thanh	Hùng	11/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	0413	37	60.75	82.5	40.25		KHÔNG ĐẠT
92	Phan Cảnh	Hùng	05/07/1999	TP. Hồ Chí Minh	0419	28.5	42.5	67.5	20.5	43.75	KHÔNG ĐẠT

Đỗ Anh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
93	Trần Quang	Hùng	04/06/1996	Vĩnh Long	0420	46.25	57.5	72.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
94	Trần Văn	Hùng	17/02/1982	TP. Hồ Chí Minh	0421	45	51	62.5	41.75		KHÔNG ĐẠT
95	Khuất Thị Diễm	Hương	14/12/1980	Đồng Nai	0429	43	61.25	72.5	35		KHÔNG ĐẠT
96	Nguyễn Thị Thùy	Hương	21/06/1978	Khánh Hòa	0438	29.75	53.5	52.5	33.25		KHÔNG ĐẠT
97	Trần Quỳnh	Hương	24/10/1998	TP. Hồ Chí Minh	0440	40.75	75.5	65	35.62		KHÔNG ĐẠT
98	Trần Thị Thanh	Hương	29/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	0442	40	61.75	67.5	33.5		KHÔNG ĐẠT
99	Trần Đình	Huy	30/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	0458	46.75	68.5	70	50.25		ĐẠT
100	Trần Quang	Huy	14/01/1972	TP. Hồ Chí Minh	0460	18.75	55	57.5	27		KHÔNG ĐẠT
101	Hà Tiến	Huy	01/10/1997	Tp. Hà Nội	0462	42.25	61.75	66	44		KHÔNG ĐẠT
102	Y Tina	K nông	03/08/1983	Đắk Lắk	0479	56	36.5	71.5		37.25	KHÔNG ĐẠT
103	Võ Thiên Lý	Khách	05/09/1999	TP. Hồ Chí Minh	0484	38.25	70.5	82.5	46.5		KHÔNG ĐẠT
104	Đặng Đức	Khải	30/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	0486	42.25	63.75	80	38.75		KHÔNG ĐẠT
105	Thái Thúc Trần	Khang	07/07/1995	TP. Hồ Chí Minh	0493	36.5	69	55	50		ĐẠT
106	Nguyễn Duy	Khang	12/10/1976	Thanh Hóa	0495	39	60.25	50	42.25		KHÔNG ĐẠT
107	Huỳnh Công	Khanh	28/07/1995	TP. Hồ Chí Minh	0496	44	70.5	55	44.5		KHÔNG ĐẠT
108	Nguyễn Nam	Khánh	03/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	0500	40.75	53.5	50	36.187		KHÔNG ĐẠT
109	Nguyễn Ngọc	Khánh	08/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	0501	40.5	61	52.5	39.5		KHÔNG ĐẠT
110	Phạm Trần Bảo	Khánh	21/07/1999	TP. Hồ Chí Minh	0505	34	74.5	65	37		KHÔNG ĐẠT
111	Trương Thị Diệu	Khánh	07/04/1985	Bình Dương	0506	28.75	59.25	50	31		KHÔNG ĐẠT
112	Lâm Chính	Khâu	06/11/1985	TP. Hồ Chí Minh	0507	38.5	60.5	50	42.25		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
113	Nguyễn Đăng	Khoa	12/05/1999	TP. Hồ Chí Minh	0511	39.5	45	50	36	45.5	KHÔNG ĐẠT
114	Quách Thụy Anh	Khuê	18/12/1997	TP. Hồ Chí Minh	0521	44.25	71	57.5	35		KHÔNG ĐẠT
115	Nguyễn Thị	Khuyên	21/04/1997	TP. Hồ Chí Minh	0527	55	45.5	62.5		45.75	KHÔNG ĐẠT
116	Khuong Kim Thúy	Kiều	17/04/1997	Cà Mau	0534	39.25	83.75	50	33.25		KHÔNG ĐẠT
117	Trần Thị Ninh	Kiều	02/06/1983	Đồng Nai	0538	36.75	68.75	52.5	29.75		KHÔNG ĐẠT
118	Bùi Trúc	Lam	25/09/1984	TP. Hồ Chí Minh	0541	42	53.5	62.5	33.5		KHÔNG ĐẠT
119	Lê	Lâm	12/11/1966	TP. Hồ Chí Minh	0543	30	52	52.5	25.75		KHÔNG ĐẠT
120	Nguyễn Tùng	Lâm	16/07/1968	Cà Mau	0547	53	37.25	62.5		32.75	KHÔNG ĐẠT
121	Lê Thị	Lan	01/06/1976	Đồng Nai	0550	43.75	58.75	60	43.625		KHÔNG ĐẠT
122	Lê Phước	Lập	08/10/1997	Tây Ninh	0552	29.25	67	55	27.75		KHÔNG ĐẠT
123	Nguyễn Thị	Liễu	10/06/1991	TP. Hồ Chí Minh	0563	44.5	60.25	60	45.25		KHÔNG ĐẠT
124	Lê Thị Ngọc	Linh	30/03/1989	Đồng Nai	0571	46.5	61.5	55	51.25		ĐẠT
125	Nguyễn Thị Diệp	Linh	09/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	0577	31.25	81.75	51	31.25		KHÔNG ĐẠT
126	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21/10/1996	Đà Nẵng	0583	44.25	78.5	61	34.875		KHÔNG ĐẠT
127	Quách Thị Mỹ	Linh	21/08/1997	TP. Hồ Chí Minh	0589	38.25	70.25	51	29		KHÔNG ĐẠT
128	Trần Thiện Như	Loan	06/11/1978	TP. Hồ Chí Minh	0606	50.25	43.75	52.5		49	KHÔNG ĐẠT
129	Cang Nguyễn Ái	Long	10/03/1995	TP. Hồ Chí Minh	0619	20.5	56.25	62.5	24.25		KHÔNG ĐẠT
130	Dương Thành	Long	08/08/1977	Bà Rịa-Vũng Tàu	0621	28.75	55.25	62.5	24		KHÔNG ĐẠT
131	Lê Đình Vũ	Long	04/11/1976	TP. Hồ Chí Minh	0623	38	37.5	65	36.5	36.25	KHÔNG ĐẠT
132	Lê Hoàng	Long	27/03/1992	TP. Hồ Chí Minh	0624	41	60.5	57.5	36.25		KHÔNG ĐẠT

ĐD Nmb

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
133	Lê Duy	Lượng	14/08/1983	Tây Ninh	0634	43	51.5	50	50		ĐẠT
134	Nguyễn Thị	Ly	23/02/1996	Đồng Nai	0637	41	58.75	65	36.25		KHÔNG ĐẠT
135	Đinh Trần Ngọc	Mai	03/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	0644	41.75	69.75	60	40.75		KHÔNG ĐẠT
136	Phan Thị Phương	Mai	12/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	0649	41	85.75	62	42.25		KHÔNG ĐẠT
137	Bùi Thị	Mẫn	06/01/1985	TP. Hồ Chí Minh	0652	35.5	62.75	50	38.75		KHÔNG ĐẠT
138	Trần Thị Thảo	Mi	28/12/1988	TP. Hồ Chí Minh	0660	36.25	59.25	80	40		KHÔNG ĐẠT
139	Võ Thị Trà	Mi	29/08/1993	TP. Hồ Chí Minh	0661	39.25	51.5	50	33.5		KHÔNG ĐẠT
140	Lê Hữu	Minh	21/11/1986	TP. Hồ Chí Minh	0664	35.75	63	60	42.625		KHÔNG ĐẠT
141	Phan Tấn	Minh	26/01/1978	TP. Hồ Chí Minh	0671	32	53	50	36.25		KHÔNG ĐẠT
142	Trần Thị Thanh	Mỹ	06/07/1984	TP. Hồ Chí Minh	0683	38.75	55	75	36.25		KHÔNG ĐẠT
143	Đoàn Văn	Nam	02/05/1971	TP. Hồ Chí Minh	0687	29.25	53.5	55	25.75		KHÔNG ĐẠT
144	Lê	Nam	28/06/1984	TP. Hồ Chí Minh	0688	42.75	77	62.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
145	Dương Thị Vân	Nga	12/07/1981	TP. Hồ Chí Minh	0695	50.5	31.75	60		38.75	KHÔNG ĐẠT
146	Hồ Huỳnh Thanh Thúy	Nga	30/06/1997	TP. Hồ Chí Minh	0696	51.75	35.5	55		35.5	KHÔNG ĐẠT
147	Nguyễn Thanh	Ngân	02/02/1998	TP. Hồ Chí Minh	0707	45	57.25	60	40		KHÔNG ĐẠT
148	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	25/08/1996	TP. Hồ Chí Minh	0711	33.5	70.75	57.5	36.5		KHÔNG ĐẠT
149	Võ Thị Kim	Ngân	02/01/1998	Đà Nẵng	0717	39	59.25	50	36.25		KHÔNG ĐẠT
150	Đỗ Hữu	Nghĩa	19/03/1988	Long An	0719	29.5	58.25	62.5	25.5		KHÔNG ĐẠT
151	Huỳnh Thị Mỹ	Ngọc	24/03/1990	Bình Dương	0728	44.5	57	57.5	45		KHÔNG ĐẠT
152	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	01/01/1995	TP. Hồ Chí Minh	0738	33.5	65	60	34.5		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Hữu

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
153	Phạm Minh	Ngọc	04/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	0740	43.5	64.5	67.5	41.5		KHÔNG ĐẠT
154	Trần Thị Hồng	Ngọc	17/06/1999	TP. Hồ Chí Minh	0749	46.25	75.75	55	44.375		KHÔNG ĐẠT
155	Phạm Thanh	Nhàn	17/07/1988	TP. Hồ Chí Minh	0772	37.75	56	50	34.5		KHÔNG ĐẠT
156	Nguyễn Thị Thái	Nhi	04/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	0782	33.25	63.5	60	37		KHÔNG ĐẠT
157	Mai Thanh	Nho	05/03/1970	TP. Hồ Chí Minh	0789	35	68.5	60	34		KHÔNG ĐẠT
158	Lê Thùy	Như	06/10/1980	TP. Hồ Chí Minh	0791	39.75	55.25	62.5	50		ĐẠT
159	Phạm Thị Quỳnh	Như	26/04/1997	TP. Hồ Chí Minh	0797	55.75	41.5	75		48.75	KHÔNG ĐẠT
160	Nguyễn Thị Ngọc	Như	13/06/1997	Tp. Huế	0802	40.25	55.25	57.5	32.75		KHÔNG ĐẠT
161	Phạm Thị Tuyết	Nhung	24/02/1999	TP. Hồ Chí Minh	0811	46	72.5	65	50		ĐẠT
162	Nguyễn Đào Duy	Nhật	03/02/1995	TP. Hồ Chí Minh	0815	41.25	77.75	50	30		KHÔNG ĐẠT
163	Nguyễn Kim	Oanh	11/04/1993	TP. Hồ Chí Minh	0822	39	50	52.5	35.25		KHÔNG ĐẠT
164	Phái Thị Hoàng	Oanh	03/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	0828	45.75	83	65	37.5		KHÔNG ĐẠT
165	Nguyễn Hoàn Gia	Phúc	12/02/1975	TP. Hồ Chí Minh	0848	34.25	59	65	27.75		KHÔNG ĐẠT
166	Hồ Thị Kim	Phước	02/08/1993	TP. Hồ Chí Minh	0854	39.5	74.75	60	35.75		KHÔNG ĐẠT
167	Bùi Thị Huệ	Phương	17/07/1996	TP. Hồ Chí Minh	0860	44.25	56	50	45.5		KHÔNG ĐẠT
168	Lê Thị	Phương	20/12/1982	Đắk Lắk	0868	35.25	57.5	65	40		KHÔNG ĐẠT
169	Nguyễn Đăng Khánh	Phương	15/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	0872	43.75	64	60	47		KHÔNG ĐẠT
170	Nguyễn Hoàng	Phương	02/04/1999	Hậu Giang	0873	41.25	76	57.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
171	Nguyễn Thoại Yên	Phương	11/09/1996	TP. Hồ Chí Minh	0880	39	65.5	50	42.5		KHÔNG ĐẠT
172	Phạm Thị	Phương	22/10/1999	TP. Hồ Chí Minh	0885	55.75	47.75	82		45.5	KHÔNG ĐẠT

ĐDAMB

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
173	Phạm Hồng	Quân	24/12/1998	TP. Hồ Chí Minh	0899	40.5	76.5	82	45		KHÔNG ĐẠT
174	Nguyễn Tấn	Quang	22/08/1984	TP. Hồ Chí Minh	0905	32	59.5	81.5	41		KHÔNG ĐẠT
175	Trần Quốc	Quang	27/06/1992	Long An	0908	39.5	65.75	81	36.5		KHÔNG ĐẠT
176	Phan Văn Bảo	Quốc	24/08/1977	TP. Hồ Chí Minh	0912	37.5	68.25	50	33.25		KHÔNG ĐẠT
177	Nguyễn Thị Xuân	Quý	10/09/1986	TP. Hồ Chí Minh	0916	34	56.25	55.5	35.25		KHÔNG ĐẠT
178	Nguyễn Văn	Quý	10/02/1991	TP. Hồ Chí Minh	0917	31.25	54.5	77	27.75		KHÔNG ĐẠT
179	Đỗ Hương	Quỳnh	22/05/1992	Bình Thuận	0930	32.25	56.5	50	30.75		KHÔNG ĐẠT
180	Trần Ngọc Như	Quỳnh	03/09/1997	TP. Hồ Chí Minh	0936	37.25	63.5	54	45		KHÔNG ĐẠT
181	Đỗ Thanh	Sang	23/12/1982	TP. Hồ Chí Minh	0941	42.5	60.25	70	52		ĐẠT
182	Lê Tấn Phi	Son	15/01/1973	Bà Rịa-Vũng Tàu	0949	38.75	65	75	42.25		KHÔNG ĐẠT
183	Lê Thanh	Son	20/07/1969	Đắk Lắk	0950	31	65.25	70	37.5		KHÔNG ĐẠT
184	Nguyễn Thanh	Son	16/08/1983	TP. Hồ Chí Minh	0955	50	39.75	57.5		39	KHÔNG ĐẠT
185	Trần Hoàng	Son	10/08/1977	Đồng Tháp	0959	50	42	72.5		48.5	KHÔNG ĐẠT
186	Trần Hồng	Son	17/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	0960	47.25	65.5	77.5	47.25		KHÔNG ĐẠT
187	Lê Thị Tuyết	Suong	04/03/1997	TP. Hồ Chí Minh	0961	31.5	61.5	75	31.5		KHÔNG ĐẠT
188	Hoàng Minh	Tâm	03/05/1997	TP. Hồ Chí Minh	0970	42	78.75	65	42		KHÔNG ĐẠT
189	Nguyễn Minh	Tâm	02/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	0979	36.75	53.25	67.5	40.75		KHÔNG ĐẠT
190	Lâm Duy	Tân	05/05/1989	TP. Hồ Chí Minh	0986	45	40.75	65	35.5	44.5	KHÔNG ĐẠT
191	Lâm Ngọc	Tân	10/08/1992	Kiên Giang	0988	41	63.5	62.5	50		ĐẠT
192	Phạm Minh	Tân	24/04/1992	TP. Hồ Chí Minh	0989	44	54.5	67.5	36.5		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
193	Lê Đình Hoàng	Thái	28/02/1998	TP. Hồ Chí Minh	0996	36	53.75	70	41.875		KHÔNG ĐẠT
194	Nguyễn Thị	Thắm	12/06/1999	TP. Hồ Chí Minh	1001	43.5	78.5	77.5	47		KHÔNG ĐẠT
195	Đoàn Văn	Thắng	10/03/1983	TP. Hồ Chí Minh	1005	38.75	56	62.5	42		KHÔNG ĐẠT
196	Lê Quyết	Thắng	16/01/1998	TP. Hồ Chí Minh	1006	39.25	76	70	45.5		KHÔNG ĐẠT
197	Nguyễn Ngọc	Thắng	04/01/1995	Cần Thơ	1009	33	44.75	72.5	33.5	42.75	KHÔNG ĐẠT
198	Nguyễn Ngọc	Thắng	14/02/1985	TP. Hồ Chí Minh	1010	36.75	62.75	72.5	41.75		KHÔNG ĐẠT
199	Trần Hữu	Thắng	17/10/1995	TP. Hồ Chí Minh	1014	35	64.5	62.5	41		KHÔNG ĐẠT
200	Nguyễn Thị	Thanh	05/11/1981	TP. Hồ Chí Minh	1022	17	69.5	60	22		KHÔNG ĐẠT
201	Võ Chí	Thanh	10/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	1025	39.5	76.75	50	33.75		KHÔNG ĐẠT
202	Đặng Trọng	Thành	02/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	1027	44	79.5	52.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
203	Lê Tấn	Thành	27/09/1973	TP. Hồ Chí Minh	1028	41.5	64	60	40		KHÔNG ĐẠT
204	Lê Trí	Thành	12/12/1969	Bà Rịa-Vũng Tàu	1029	30.25	52.75	50	33.5		KHÔNG ĐẠT
205	Lê Hồng	Thao	03/01/1970	Đồng Nai	1034	38.25	67.75	52.5	44.5		KHÔNG ĐẠT
206	Dương Thị Phương	Thảo	18/06/1996	TP. Hồ Chí Minh	1041	42.5	61.5	65	51		ĐẠT
207	Nguyễn Huỳnh Thanh	Thảo	22/06/1996	TP. Hồ Chí Minh	1047	39.5	57	62.5	45.75		KHÔNG ĐẠT
208	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	1052	41	75.5	50	46.25		KHÔNG ĐẠT
209	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	27/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	1062	40.5	77.75	62.5	30.75		KHÔNG ĐẠT
210	Trần Thị	Thảo	16/10/1988	Bà Rịa-Vũng Tàu	1063	42.25	54	62.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
211	Vũ Phạm Phương	Thảo	10/09/1978	TP. Hồ Chí Minh	1066	24	59	70	19.75		KHÔNG ĐẠT
212	Hà Sỹ	Thi	28/06/1992	TP. Hồ Chí Minh	1070	58.25	43.5	65		43.75	KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M. b.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
213	Lương	Thiện	10/09/1990	Long An	1074	40	74	60	35.37		KHÔNG ĐẠT
214	Nguyễn Đức	Thiện	15/04/1999	TP. Hồ Chí Minh	1075	36.75	66.75	50	43.375		KHÔNG ĐẠT
215	Nguyễn Đức	Thịnh	16/09/1999	TP. Hồ Chí Minh	1080	31.5	56.75	56.5	40.25		KHÔNG ĐẠT
216	Hồ Đức	Thông	21/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	1091	38.25	65.5	50	34.5		KHÔNG ĐẠT
217	Nguyễn Trần Bảo	Thư	20/06/1999	TP. Hồ Chí Minh	1107	46.75	61.25	67.5	51.25		ĐẠT
218	Phạm Thị Nguyên	Thư	20/10/1999	TP. Hồ Chí Minh	1110	26.88	52.75	65	23.435		KHÔNG ĐẠT (Bài Kỹ năng hành nghề luật sư 46.87 điểm phúc tra. Thí sinh viết tên riêng trong bài kiểm tra, vi phạm điểm b khoản 1 Điều 2 Nội quy Kỳ kiểm tra và bị áp hình thức kỷ luật trừ 50% điểm bài Kỹ năng hành nghề luật sư)
219	Trương Anh	Thư	03/06/1998	TP. Hồ Chí Minh	1114	43.25	66	65	44.375		KHÔNG ĐẠT
220	Võ Thái Minh	Thư	25/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	1115	40.25	47	62.5	51.5	47.25	KHÔNG ĐẠT
221	Vũ Thị Anh	Thư	11/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	1117	32	60.5	57.5	40		KHÔNG ĐẠT
222	Phạm Thiên	Thuần	10/03/1960	TP. Hồ Chí Minh	1118	35.25	56.75	65	50.5		ĐẠT
223	Bùi Trí	Thức	05/10/1992	TP. Hồ Chí Minh	1124	41.75	83.25	67.5	35		KHÔNG ĐẠT
224	Hoàng Thị	Thương	01/02/1986	TP. Hồ Chí Minh	1129	43.75	68.25	50	37		KHÔNG ĐẠT
225	Võ Thị Phương	Thúy	24/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	1146	36.25	61.75	70	45		KHÔNG ĐẠT
226	Lại Thị	Thùy	25/12/1981	TP. Hồ Chí Minh	1150	62.75	45.75	70		46.5	KHÔNG ĐẠT

ĐD Nhmb

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
227	Lê Thị Thu	Thùy	13/07/1979	Cần Thơ	1151	28.75	38.75	52.5	38.625	35.25	KHÔNG ĐẠT
228	Huỳnh Nhật Xuân	Thy	23/11/1995	TP. Hồ Chí Minh	1165	37.25	73.75	72.5	45		KHÔNG ĐẠT
229	Mai Thị Cẩm	Tiên	20/06/1992	TP. Hồ Chí Minh	1170	40.25	81	75	50		ĐẠT
230	Nguyễn Thị Thuý	Tiên	15/08/1995	TP. Hồ Chí Minh	1173	45.5	62.5	80	42		KHÔNG ĐẠT
231	Trần Văn	Tính	01/01/1991	Cần Thơ	1186	44.5	75	57.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
232	Nguyễn Thị Thu	Trà	29/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	1194	32.75	67.5	55	31.25		KHÔNG ĐẠT
233	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	31/05/1991	TP. Hồ Chí Minh	1199	60.75	43.75	55		42	KHÔNG ĐẠT
234	Huỳnh Thị Bảo	Trân	07/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	1208	47	87.5	65	43.75		KHÔNG ĐẠT
235	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	13/05/1982	Bà Rịa-Vũng Tàu	1213	42.5	71.75	60	50.25		ĐẠT
236	Phạm Thị Bảo	Trân	16/04/1999	TP. Hồ Chí Minh	1215	37.5	69.25	65	41.25		KHÔNG ĐẠT
237	Nguyễn Thị Thùy	Trang	08/09/1987	TP. Hồ Chí Minh	1225	35	71.25	67	36.25		KHÔNG ĐẠT
238	Phan Thị Quỳnh	Trang	23/04/1978	TP. Hồ Chí Minh	1234	40	52.25	54.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
239	Trần Thị Thu	Trang	10/12/1997	TP. Hồ Chí Minh	1240	44.25	78.75	74	44.5		KHÔNG ĐẠT
240	Lâm Đức	Tráng	15/12/1985	TP. Hồ Chí Minh	1243	41.25	65.5	50	40.25		KHÔNG ĐẠT
241	Ngô Hoàng	Triều	20/02/1995	Đồng Nai	1250	46.25	66.5	53.5	50		ĐẠT
242	Hồ Mộng	Trinh	03/06/1996	TP. Hồ Chí Minh	1253	44.5	75	79	50		ĐẠT
243	Nguyễn Thục	Trinh	18/05/1999	TP. Hồ Chí Minh	1259	44.5	72	52.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
244	Trần Diệp Tuyết	Trinh	01/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	1263	50	43.5	76		50	ĐẠT
245	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	25/08/1996	TP. Hồ Chí Minh	1272	36.25	69.5	87.5	39		KHÔNG ĐẠT
246	Tạ Quang Thạch	Trúc	27/11/1989	Đắk Lắk	1274	44.75	54.75	50	47.25		KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M. B.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
247	Lê Minh	Trung	10/08/1989	Cần Thơ	1279	29	52	72.5	26.5		KHÔNG ĐẠT
248	Võ Văn	Trung	11/10/1976	TP. Hồ Chí Minh	1286	34.5	56	52.5	31.5		KHÔNG ĐẠT
249	Nguyễn Thanh	Tú	10/04/1972	Cần Thơ	1294	33.25	38.75	52.5	28.25	29.125	KHÔNG ĐẠT
250	Lê Thị Cẩm	Tú	08/02/1988	Tp. Hà Nội	1297	31.25	39	50	28.75	43	KHÔNG ĐẠT
251	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	27/12/1997	TP. Hồ Chí Minh	1298	33.5	78.25	62.5	40		KHÔNG ĐẠT
252	Nguyễn Tuấn	Tú	16/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	1300	43.75	65.25	65	39.5		KHÔNG ĐẠT
253	Mã Hoàng Anh	Tuấn	21/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	1308	43.75	60	71	42		KHÔNG ĐẠT
254	Trần Minh	Tuấn	20/06/1982	Đà Nẵng	1313	43.75	62.5	60	40.75		KHÔNG ĐẠT
255	Cao Kỳ	Tùng	18/02/1991	Đồng Nai	1316	50.25	45.5	65		50	ĐẠT
256	Ngô Thanh	Tùng	17/12/1991	TP. Hồ Chí Minh	1318	65	44.5	67.5		45.75	KHÔNG ĐẠT
257	Trần Thị Thảo	Uyên	11/04/1997	Bình Dương	1337	28.75	51.5	50	31.25		KHÔNG ĐẠT
258	Ngô Hoàng Thảo	Uyên	03/01/1999	Tp. Hà Nội	1338	43	76	62.5	37.25		KHÔNG ĐẠT
259	Huỳnh Thụy Thanh	Vân	15/04/1987	TP. Hồ Chí Minh	1341	37.75	65.25	50	31.25		KHÔNG ĐẠT
260	Phạm Thị Bích	Vân	15/08/1996	TP. Hồ Chí Minh	1347	40.5	79	55	41.75		KHÔNG ĐẠT
261	Trần Thị Bích	Vân	20/10/1992	Gia Lai	1348	30.75	62.5	52.5	35.25		KHÔNG ĐẠT
262	Võ Thị	Vân	05/01/1975	TP. Hồ Chí Minh	1350	38.75	74.5	50	30.75		KHÔNG ĐẠT
263	Thị Thoại	Vi	10/01/1992	TP. Hồ Chí Minh	1355	51.25	30.25	60		39	KHÔNG ĐẠT
264	Trần Hoàng	Việt	26/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	1359	33.25	59.75	62.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
265	Lê Văn	Vinh	21/12/1984	TP. Hồ Chí Minh	1360	50	40	55		45.5	KHÔNG ĐẠT
266	Đỗ Thanh	Vũ	21/04/1980	Bình Dương	1363	38	57	65	35.5		KHÔNG ĐẠT

QĐ Nmb

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	SBD	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Điểm Thực hành	Điểm phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm phúc tra Pháp luật về LS, HNLS và ĐĐNNLS	Kết quả
267	Nguyễn Cao Trường	Vũ	19/09/1999	TP. Hồ Chí Minh	1365	37	55	56	37		KHÔNG ĐẠT
268	Nguyễn Đăng	Vũ	27/06/1999	TP. Hồ Chí Minh	1366	36.5	69.75	56	36.25		KHÔNG ĐẠT
269	Đặng Ngọc Tường	Vy	18/10/1975	TP. Hồ Chí Minh	1376	43.75	51.5	60	43.25		KHÔNG ĐẠT
270	Lê Nguyễn Hoàng	Vy	14/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	1380	36.5	72	60	46		KHÔNG ĐẠT
271	Ngô Thị Tiểu	Vy	16/04/1998	TP. Hồ Chí Minh	1381	39.5	70	57.5	41		KHÔNG ĐẠT
272	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	18/08/1984	Khánh Hòa	1383	38.5	53	56.5	33.75		KHÔNG ĐẠT
273	Phan Thị Ánh	Vy	07/04/1997	TP. Hồ Chí Minh	1386	39.5	64.5	74	51.75		ĐẠT
274	Đinh Thị Như	Ý	15/03/1994	Quảng Nam	1397	40	82.5	62	40.75		KHÔNG ĐẠT
275	Đinh Thị Kim	Yên	02/03/1966	Đắk Lắk	1402	45	56.5	66	38		KHÔNG ĐẠT
276	La Kim	Yên	05/10/1992	TP. Hồ Chí Minh	1403	31.25	64.5	60	26.5		KHÔNG ĐẠT
277	Trần Thị Phi	Yên	09/03/1995	TP. Hồ Chí Minh	1412	41.5	71.5	58	40		KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M. B.